ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 5

MÔN: TIẾNG ANH 12 FRIENDS GLOBAL

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	6. B	11. D	16. A	21. C	26. C	31. A	36. B
2. A	7. C	12. B	17. A	22. C	27. D	32. D	37. A
3. C	8. A	13. C	18. D	23. C	28. C	33. A	38. B
4. A	9. C	14. B	19. B	24. B	29. B	34. C	39. A
5. A	10. A	15. A	20. A	25. B	30. A	35. A	40. C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài nghe 1

MC: Good morning, everyone. This is Mrs. Dutch, and she is here to talk about the changes and population in Reedham.

Mrs. Dutch: Thank you. The population in Reedham has risen sharply over the last 30 years. In 1994, the population was only 960,000 people. It wasn't a too large city, then. Now the population is 3.4 million. This increase has caused some problems. It forced the government to increase the size of the city and upgrade its infrastructure. Over the 30-year period, the government has built a new subway system, many apartment buildings, new roads, and several new schools. However, it isn't enough. Overpopulation is still a clear problem in Reedham. There are many homeless people, hundreds of thousands of people without jobs who pay a living wage, and more and more crimes each day. Unfortunately, the population is still going to rise sharply over the next 30 years. I estimate that the population will be over 6 million by 2053. I also estimate the population density will increase by 55%, which will create a huge number of problems. But don't worry everyone, we can make a plan and prepare the city. First, the government needs to have a lot of affordable housing bills to support homeless people. Next, they need to attract a lot of new businesses to the area. Large factories and businesses will create lots of jobs. Finally, they need to double the number of police officers in the city. This will create jobs and reduce crime. The next …

Tạm dịch:

MC: Chào buổi sáng mọi người. Đây là bà Dutch, bà đến đây để nói về những thay đổi và dân số ở Reedham.
Bà Dutch: Cảm ơn bạn. Dân số ở Reedham đã tăng mạnh trong 30 năm qua. Năm 1994, dân số chỉ có 960.000 người. Lúc đó nó không phải là một thành phố quá lớn. Bây giờ dân số là 3,4 triệu người. Sự gia tăng này đã gây ra một số vấn đề. Nó buộc chính phủ phải tăng quy mô thành phố và nâng cấp cơ sở hạ tầng. Trong thời gian 30 năm, chính phủ đã xây dựng một hệ thống tàu điện ngầm mới, nhiều tòa nhà chung cư, đường mới và một số trường học mới. Tuy nhiên, nó không đủ. Dân số quá đông vẫn là một vấn đề rõ ràng ở Reedham. Có rất nhiều người vô gia cư, hàng trăm nghìn người không có việc làm nhưng vẫn phải trả mức lương đủ sống

và ngày càng có nhiều tội ác. Thật không may, dân số vẫn sẽ tăng mạnh trong vòng 30 năm tới. Tôi ước tính dân số sẽ trên 6 triệu người vào năm 2053. Tôi cũng ước tính mật độ dân số sẽ tăng 55%, điều này sẽ tạo ra vô số vấn đề. Nhưng mọi người đừng lo lắng, chúng ta có thể lập kế hoạch và chuẩn bị cho thành phố. Đầu tiên, chính phủ cần có nhiều dự luật nhà ở giá phải chăng để hỗ trợ người vô gia cư. Tiếp theo, họ cần thu hút nhiều doanh nghiệp mới vào khu vực. Các nhà máy, doanh nghiệp lớn sẽ tạo ra nhiều việc làm. Cuối cùng, họ cần tăng gấp đôi số lượng cảnh sát trong thành phố. Điều này sẽ tạo ra việc làm và giảm tội phạm. Tiếp theo ...

1. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Dân số của Reedham vào năm 1994 là bao nhiêu?

A. 3,4 triệu

B. 960 nghìn

C. 6 triệu

Thông tin: In 1994, the population was only 960,000 people.

(Năm 1994, dân số chỉ có 960.000 người.)

Chọn B

2. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Chính phủ đã xây dựng được những gì trong 30 năm qua?

A. trường học mới

B. bệnh viện mới

C. nhà ga xe lửa mới

Thông tin: Over the 30-year period, the government has built a new subway system, many apartment buildings, new roads, and several new schools.

(Trong thời gian 30 năm, chính phủ đã xây dựng một hệ thống tàu điện ngầm mới, nhiều tòa nhà chung cư, đường mới và một số trường học mới.)

Chọn A

3. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Người nói nói điều gì đang trở thành vấn đề ở Reedham?

A. ô nhiễm

B. thất nghiệp

C. tội phạm

Thông tin: There are many homeless people, hundreds of thousands of people without jobs who pay a living wage, and more and more crimes each day.

(Có rất nhiều người vô gia cư, hàng trăm nghìn người không có việc làm nhưng vẫn phải trả mức lương đủ sống và ngày càng có nhiều tội ác.)

Chọn C

4. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Điều gì sẽ xảy ra với dân số trong 30 năm tới?

A. tăng 55%

B. là 3,4 triệu

C. gần gấp đôi

Thông tin: Unfortunately, the population is still going to rise sharply over the next 30 years. I estimate that the population will be over 6 million by 2053. I also estimate the population density will increase by 55%,

(Thật không may, dân số vẫn sẽ tăng mạnh trong vòng 30 năm tới. Tôi ước tính dân số sẽ trên 6 triệu người vào năm 2053. Tôi cũng ước tính mật độ dân số sẽ tăng 55%,)

Chọn A

5. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Người nói nói chính phủ KHÔNG nên làm gì?

A. cấm ô tô từ trung tâm thành phố

B. tăng số lượng cơ quan cảnh sát

C. thu hút doanh nghiệp đến thành phố

Thông tin: Next, they need to attract a lot of new businesses to the area. Finally, they need to double the number of police officers in the city.

(Tiếp theo, họ cần thu hút nhiều doanh nghiệp mới vào khu vực. Cuối cùng, họ cần tăng gấp đôi số lượng cảnh sát trong thành phố.)

Chọn A

Bài nghe 2

1.

A: What's the first point for our presentation?

B: It's that people shouldn't waste food.

A: Okay, that's a good one. What problem should we discuss?

B: I think we should talk about how much energy is used in food production. We should say how we shouldn't use so much since a lot of food is being wasted.

A: Okay, perfect. Our next point should be...

2.

Animals in danger is a charity that works in over 20 countries to help protect endangered species. Often due to hunting, the populations of many endangered animals have continued to fall. The volunteers at Animals in Danger rescue animals that have been injured. They take these animals to local vets or rescue facilities until they recover. After that, they reintroduced them into their habitats.

3.

Hello. My name's Daniel, and I'm here to ask for help with cleaning the local river. As I'm sure you know, the East River is full of trash and is very dirty. Unless we do something soon, tourism will be negatively affected. myself and many other people in this town rely on tourists for income. I'm organizing river cleanup next Saturday, and I would love to see some of you there.

4.

A: What else should we say in our presentation?

B: I think we could talk about how the government should offer companies more incentives to be eco-friendly.

A: Okay, what should we say about that?

B: We should say that the more incentives they offer, the more eco-friendly there will be.

A: Okay, what kind of incentives should they offer?

B: Money. Businesses always want more money.

5.

Hello, my name is Dr Freda. I'm here to talk about a big problem in Jeeham. The air pollution has continued to increase, and it's going to start making people sick. that will make the hospitals very busy and slow. I suggest that everyone tries to use their cars less. Instead, you could walk or ride bicycles to get around. As long as we can reduce the amount of gas-powered vehicles on the road, the air pollution will decrease.

Tạm dịch:

1.

A: Điểm đầu tiên cho bài thuyết trình của chúng ta là gì?

B: Đó là mọi người không nên lãng phí thức ăn.

A: Được rồi, đó là một điều tốt. Chúng ta nên thảo luận vấn đề gì?

B: Tôi nghĩ chúng ta nên nói về lượng năng lượng được sử dụng trong sản xuất thực phẩm. Chúng ta nên nói làm thế nào chúng ta không nên sử dụng quá nhiều vì rất nhiều thực phẩm đang bị lãng phí.

A: Được rồi, hoàn hảo. Điểm tiếp theo của chúng ta sẽ là...

2.

Động vật gặp nguy hiểm là tổ chức từ thiện hoạt động tại hơn 20 quốc gia để giúp bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Thường do nạn săn bắn, quần thể của nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng tiếp tục giảm. Các tình nguyện viên tại Động vật đang gặp nguy hiểm giải cứu những động vật bị thương. Họ đưa những

con vật này đến bác sĩ thú y hoặc cơ sở cứu hộ địa phương cho đến khi chúng bình phục. Sau đó, họ đưa chúng trở lại môi trường sống của chúng.

3.

Xin chào. Tên tôi là Daniel và tôi đến đây để nhờ giúp đỡ làm sạch dòng sông địa phương. Như tôi chắc chắn bạn đã biết, sông Đông đầy rác và rất bẩn. Trừ khi chúng ta làm điều gì đó sớm, du lịch sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. bản thân tôi và nhiều người khác ở thị trấn này sống dựa vào khách du lịch để có thu nhập. Tôi sẽ tổ chức dọn dẹp sông vào thứ Bảy tới và tôi rất muốn gặp một số bạn ở đó.

4.

A: Chúng ta nên nói gì nữa trong bài thuyết trình của mình?

B: Tôi nghĩ chúng ta có thể bàn về việc chính phủ nên cung cấp cho các công ty nhiều ưu đãi hơn để thân thiện với môi trường như thế nào.

A: Được rồi, chúng ta nên nói gì về điều đó?

B: Chúng ta nên nói rằng họ càng đưa ra nhiều ưu đãi thì sẽ càng thân thiện với môi trường.

A: Được rồi, họ nên đưa ra những hình thức khuyến khích nào?

B: Tiền. Doanh nghiệp luôn muốn có nhiều tiền hơn.

5.

Xin chào, tên tôi là Tiến sĩ Freda. Tôi ở đây để nói về một vấn đề lớn ở Jeeham. Ô nhiễm không khí tiếp tục gia tăng và nó sẽ bắt đầu khiến con người bị bệnh. điều đó sẽ làm cho các bệnh viện rất bận rộn và chậm chạp. Tôi đề nghị mọi người cố gắng sử dụng ô tô của mình ít hơn. Thay vào đó, bạn có thể đi bộ hoặc đi xe đạp để di chuyển. Chỉ cần chúng ta có thể giảm lượng phương tiện chạy bằng xăng trên đường thì tình trạng ô nhiễm không khí sẽ giảm.

6. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Họ đề cập đến vấn đề gì?

A. ít thức ăn hơn cho người khác

B. lãng phí năng lượng

C. ô nhiễm hơn

Thông tin: I think we should talk about how much energy is used in food production. We should say how we shouldn't use so much since a lot of food is being wasted.

(Tôi nghĩ chúng ta nên nói về lượng năng lượng được sử dụng trong sản xuất thực phẩm. Chúng ta nên nói làm thế nào chúng ta không nên sử dụng quá nhiều vì rất nhiều thực phẩm đang bị lãng phí.)

Chọn B

7. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Chiến dịch chính của tổ chức từ thiện là gì?

A. chăn nuôi động vật có nguy cơ tuyệt chủng

B. ngăn chặn mọi người săn bắt động vật có nguy cơ tuyệt chủng

C. giải cứu và đưa động vật có nguy cơ tuyệt chủng trở lại môi trường sống

Thông tin: They take these animals to local vets or rescue facilities until they recover. After that, they reintroduced them into their habitats.

(Họ đưa những con vật này đến bác sĩ thú y hoặc cơ sở cứu hộ địa phương cho đến khi chúng bình phục. Sau đó, họ đưa chúng trở lại môi trường sống của chúng.)

Chọn C

8. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Điều gì sẽ xảy ra nếu họ không dọn sạch dòng sông?

A. sẽ có ít người đến thăm khu vực này hơn

B. quần thể cá sẽ giảm

C. người dân sẽ không có nước sạch để uống

Thông tin: Unless we do something soon, tourism will be negatively affected.

(Trừ khi chúng ta làm điều gì đó sớm, du lịch sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.)

Chọn A

9. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Sẽ có thêm điều gì nếu chính phủ đưa ra nhiều ưu đãi hơn?

A. quảng bá tốt

B. ô tô điện

C. công ty thân thiện với môi trường

Thông tin: I think we could talk about how the government should offer companies more incentives to be eco-friendly.

(Tôi nghĩ chúng ta có thể bàn về việc cách mà chính phủ nên cung cấp cho các công ty nhiều ưu đãi hơn để thân thiện với môi trường.)

Chọn C

10. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Người nói nói mọi người nên làm gì nhiều hơn?

A. sử dụng xe đạp

B. tập thể dục

C. sử dụng phương tiện giao thông công cộng

Thông tin: I suggest that everyone tries to use their cars less. Instead, you could walk or ride bicycles to get around.

(Tôi đề nghị mọi người cố gắng sử dụng ô tô của mình ít hơn. Thay vào đó, bạn có thể đi bộ hoặc đi xe đạp để di chuyển.)

Chọn A

11. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. stand (v): đứng

B. sit (v): ngồi

C. make (v): làm

D. do (v): làm

Cụm từ "do exam": làm kiểm tra

Similarly, the college students also were obligated to **do** exams at home, with the help of a mobile phone or a laptop.

(Tương tự, sinh viên đại học cũng bị buộc phải làm bài thi ở nhà với sự hỗ trợ của điện thoại di động hoặc máy tính xách tay.)

Chọn D

12. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. must: phải / bắt buộc

B. had to: phải

C. should: nên

D. could: có thể

This also caused trouble for administrators, who **had to** make sure that there was no cheating during the tests.

(Điều này cũng gây rắc rối cho các quản trị viên, những người phải đảm bảo rằng không có gian lận trong quá trình kiểm tra.)

Chọn B

13. C

Kiến thức: Chia thì động từ

Giải thích:

Thì quá khứ hoàn thành diễn tả một hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ.

Cấu trúc thì quá khứ hoàn thành ở dạng khẳng định: S + had V3/ed.

Even at campuses that **had reopened** since the beginning of the semester, students were not given the traditional college experience once promised to them.

(Ngay cả tại các cơ sở đã mở cửa trở lại từ đầu học kỳ, sinh viên cũng không được trải nghiệm đại học truyền thống như đã hứa với họ.)

Chọn C

14. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. many + danh từ đếm được số nhiều: nhiều

B. a lot + danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được: nhiều

C. little + danh từ không đếm được: rất ít

D. by far: vượt xa

Online classes have definitely made school **a lot** harder for me.

(Các lớp học trực tuyến chắc chắn đã khiến việc học của tôi trở nên khó khăn hơn rất nhiều.)

Chọn B

15. A

Kiến thức: Chia thì động từ

Giải thích:

Thì hiện tại hoàn thành diễn tả một hành động kéo dài từ quá khứ đến hiện tại.

Cấu trúc thì hiện tại hoàn thành dạng khẳng định chủ ngữ số nhiều: S + have V3/ed.

I've definitely not learned a lot since I **have been** here, even though these are crucial classes for my major

(Tôi chắc chắn chưa học được nhiều điều kể từ khi đến đây, mặc dù đây là những lớp học quan trọng đối với chuyên ngành của tôi.)

Chọn A

16. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. less: ít hơn

B. more: nhiều hơn

C. much: nhiều

D. little: ít

She also stated that despite getting used to learning online, she felt much **less** motivated.

(Cô cũng cho biết dù đã quen với việc học trực tuyến nhưng cô cảm thấy kém động lực hơn rất nhiều.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

For most college students in the United States - especially freshmen - The 2021 schoolyear was anything but normal. Due to the COVID-19 outbreak, many college campuses remained closed, with the majority of classes being held fully or primarily online. Similarly, the college students also were obligated to (11) **do** exams at home, with the help of a mobile phone or a laptop. This also caused trouble for administrators, who (12) **had to** make sure that there was no cheating during the tests. These changes caused many undergraduates to feel more stressed out and disconnected from their peers and professors, and accidentally created barriers for learners that fell behind.

Even at campuses that (13) **had reopened** since the beginning of the semester, students were not given the traditional college experience once promised to them. It's clear that college won't return to normal for some time. Indeed, this dismal reality caused major difficulties for students, particularly those in their very first semester of college.

“Online classes have definitely made school (14) **a lot** harder for me. I always interact with my teachers and peers, but this year I haven't made friends with anyone in my class.” - said Sophia, a first-year student at the University of Missouri. Apparently, attending online lectures did not really help her with the in-class modules so much.

“I also think that since some of my classes are self-paced, I'm a lot more stressed out than usual. The teacher just posts all of the assignments on Canvas and gives a due date. There's no teacher-student interaction whatsoever - just a textbook and a worksheet. I've definitely not learned a lot since I (15) **have been** here, even though these are crucial classes for my major.” - Sophia commented.

She also stated that despite getting used to learning online, she felt much (16) **less** motivated. “As you can see, I’m not a very self-discipline person. Learning online has made me feel a lot lazier since I don’t have to get up every day and go to the campus anymore.”

Tạm dịch

Đối với hầu hết các sinh viên đại học ở Hoa Kỳ - đặc biệt là sinh viên năm nhất - năm học 2021 là một năm học bất thường. Do sự bùng phát của COVID-19, nhiều khuôn viên trường đại học vẫn đóng cửa, với phần lớn các lớp học được tổ chức hoàn toàn hoặc chủ yếu trực tuyến. Tương tự, các sinh viên đại học cũng phải (11) làm bài kiểm tra tại nhà, với sự trợ giúp của điện thoại di động hoặc máy tính xách tay. Điều này cũng gây khó khăn cho các nhà quản lý, những người (12) phải đảm bảo rằng không có gian lận trong các kỳ thi. Những thay đổi này khiến nhiều sinh viên cảm thấy căng thẳng hơn và bị cô lập khỏi bạn bè và giảng viên của họ, và vô tình tạo ra các rào cản cho những học sinh bị tụt lại phía sau.

Ngay cả tại những khuôn viên trường (13) đã mở cửa lại từ đầu học kỳ, sinh viên cũng không được trải nghiệm cuộc sống đại học truyền thống mà họ đã được hứa hẹn. Rõ ràng, cuộc sống đại học sẽ không trở lại bình thường trong một thời gian dài. Thực tế đáng buồn này đã gây ra nhiều khó khăn cho sinh viên, đặc biệt là những người trong học kỳ đầu tiên.

"Những lớp học trực tuyến chắc chắn đã làm cho việc học trở nên (14) khó khăn hơn rất nhiều đối với tôi. Tôi luôn tương tác với các giảng viên và bạn bè, nhưng năm nay tôi chưa kết bạn với ai trong lớp," Sophia, một

sinh viên năm nhất tại Đại học Missouri cho biết. Rõ ràng, việc tham gia các bài giảng trực tuyến không thực sự giúp cô ấy trong các môn học học trên lớp.

"Tôi cũng nghĩ rằng do một số lớp học của tôi là tự học, tôi cảm thấy căng thẳng hơn bình thường. Giáo viên chỉ đăng tất cả các bài tập lên Canvas và đưa ra hạn nộp. Không có sự tương tác nào giữa giáo viên và học sinh - chỉ có sách giáo khoa và bài tập. Tôi chắc chắn là đã không học được nhiều từ khi tôi (15) đã ở đây, mặc dù đó là những lớp học quan trọng đối với chuyên ngành của tôi." - Sophia bình luận.

Cô ấy cũng nói rằng mặc dù đã quen với việc học trực tuyến, nhưng cô cảm thấy (16) ít động lực hơn rất nhiều. "Như bạn thấy đấy, tôi không phải là người có kỷ luật tự giác tốt. Học trực tuyến đã khiến tôi cảm thấy lười biếng hơn vì tôi không phải dậy mỗi ngày và đến trường nữa."

17. A

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. Written in the early 20th century => rút gọn động từ đầu câu thể bị động V3/ed "written" với chủ ngữ là "the story" *(câu chuyện)*

(Được viết vào đầu thế kỷ 20)

B. It was written in the early 20th century => câu đơn hoàn chỉnh, cuối câu phải có dấu chấm câu.

(Nó được viết vào đầu thế kỷ 20)

C. Having written in the early 20th century => sai dạng động từ ở thể chủ động V-ing "having written"

(Đã viết vào đầu thế kỷ 20)

D. Writing in the early 20th century => sai dạng động từ ở thể chủ động V-ing "writing"

(Viết vào đầu thế kỷ 20)

Written in the early 20th century, the story paints a touching portrait of Chí Phèo, whose life ends up in tragedy because of social injustice.

(Được viết vào đầu thế kỷ 20, câu chuyện vẽ nên một bức chân dung cảm động về Chí Phèo, người có cuộc đời kết thúc trong bi kịch vì bất công xã hội.)

Chọn A

18. D

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. the main character is named Chí Phèo => dư động từ chia thì "is" do thiếu đại từ quan hệ

(Nhân vật chính tên là Chí Phèo)

B. Chí Phèo is the main character => sau giới từ "of" cần một cụm danh từ chứ không phải một mệnh đề

(Chí Phèo là nhân vật chính)

C. Chí Phèo called the main character => không phù hợp về nghĩa

(Chí Phèo được gọi là nhân vật chính)

D. the main character named Chí Phèo => rút gọn động từ "name" *(tên)* ở dạng bị động V3/ed.

(nhân vật chính tên Chí Phèo)

Chí Phèo tells the story of **the main character named Chí Phèo**, who becomes an indolent and violent individual after wrongful imprisonment.

(Chí Phèo kể về nhân vật chính Chí Phèo, người trở thành một kẻ lười biếng và bạo lực sau khi bị tù oan.)

Chọn D

19. B

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. Exploring his tragic life-changing events => thiếu động từ chia thì

(Khám phá những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh)

B. The story explores his tragic life-changing events

(Câu chuyện khám phá những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh)

C Which explores his tragic life-changing events => thiếu mệnh đề chính

(Cái mà khám phá những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh)

D. His tragic life-changing events explores => không phù hợp về nghĩa

(Những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh khám phá)

Vị trí trống cần một mệnh đề hoàn chỉnh.

The story explores his tragic life-changing events. They include stories of betrayal and injustice and reflect Chí Phèo's strong wish to change into a better person.

(Câu chuyện khám phá những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh. Chúng bao gồm những câu chuyện về sự phản bội, bất công và phản ánh mong muốn mạnh mẽ của Chí Phèo muốn trở thành một người tốt hơn.)

Chọn B

20. A

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. within Vietnamese society

(trong xã hội Việt Nam)

B. outside Vietnamese society

(ngoài xã hội Việt Nam)

C. behind Vietnamese society

(đằng sau xã hội Việt Nam)

D. between Vietnamese society

(giữa xã hội Việt Nam)

Through Chí Phèo's experiences, Nam Cao hoped to highlight the issues of exploitation and moral decline **within Vietnamese society** before 1945.

(Qua kinh nghiệm của Chí Phèo, Nam Cao hy vọng nêu bật được vấn đề bóc lột và suy thoái đạo đức trong xã hội Việt Nam trước năm 1945.)

Chọn A

21. C

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. recognizes for: công nhận vì

B. is recognized: được công nhận

C. is recognized for: được công nhận vì

D. recognizes: công nhận

Chí Phèo **is recognized for** its emotional depth, literary beauty, and thoughtful examination of the socio-economic conditions of the time.

(Chí Phèo được biết đến nhờ chiều sâu cảm xúc, vẻ đẹp văn chương và sự khảo sát sâu sắc về điều kiện kinh tế - xã hội thời bấy giờ.)

Chọn C

22. C

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. successfully reflects the challenges of disadvantaged individuals

(phản ánh thành công những thách thức của những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn)

B. the challenges of disadvantaged individuals successfully reflects Chí Phèo

(thách thức của những cá nhân thiệt thòi phản ánh thành công Chí Phèo)

C. *Chí Phèo* successfully reflects the challenges of disadvantaged individuals

(Chí Phèo phản ánh thành công thách thức của những cá nhân thiệt thòi)

D. the challenges of disadvantaged individuals successfully reflects

(những thách thức của các cá nhân thiệt thòi phản ánh thành công)

The reason is that ***Chí Phèo*** **successfully reflects the challenges of disadvantaged individuals** and the consequences of societal neglect.

(Lý do là Chí Phèo đã phản ánh thành công những thách thức của những cá nhân thiệt thòi và hậu quả của sự thờ ơ của xã hội.)

Chọn C

Bài hoàn chỉnh

Nam Cao is a renowned writer of short stories and novels in Vietnamese literature. He gained the respect from Vietnamese readers and other writers for his short story Chi Pheo. (17) **Written in the early 20th century**, the story paints a touching portrait of *Chí Phèo*, whose life ends up in tragedy because of social injustice.

Chí Phèo tells the story of (18) **the main character named Chí Phèo**, who becomes an indolent and violent individual after wrongful imprisonment. (19) **The story explores his tragic life-changing events**. They include stories of betrayal and injustice and reflect Chí Phèo's strong wish to change into a better person. Through Chí Phèo's experiences, Nam Cao hoped to highlight the issues of exploitation and moral decline (20) **within Vietnamese society** before 1945.

Nam Cao's works have been highly praised for decades due to their artistic brilliance and their important impact on Vietnamese literature. *Chí Phèo* (21) **is recognized for** its emotional depth, literary beauty, and thoughtful examination of the socio-economic conditions of the time. The story has been included in Vietnamese school curriculum as an obligatory reading, and different generations of Vietnamese students have studied it for decades. The reason is that (22) ***Chí Phèo* successfully reflects the challenges of disadvantaged individuals and** the consequences of societal neglect.

Tạm dịch

Nam Cao là nhà văn viết truyện ngắn, tiểu thuyết nổi tiếng trong văn học Việt Nam. Ông được độc giả Việt Nam và các nhà văn khác quý mến nhờ truyện ngắn Chí Phèo. (17) Được viết vào đầu thế kỷ 20, câu chuyện vẽ nên một bức chân dung cảm động về Chí Phèo, người có cuộc đời kết thúc trong bi kịch vì bất công xã hội. Chí Phèo kể về (18) nhân vật chính Chí Phèo, người trở thành một kẻ lười biếng và bạo lực sau khi bị tù oan. (19) Câu chuyện khám phá những sự kiện bi thảm thay đổi cuộc đời anh. Chúng bao gồm những câu chuyện về sự phản bội, bất công và phản ánh mong muốn mạnh mẽ của Chí Phèo muốn trở thành một người tốt hơn. Qua kinh nghiệm của Chí Phèo, Nam Cao hy vọng nêu bật được vấn đề bóc lột và suy thoái đạo đức (20) trong xã hội Việt Nam trước năm 1945.

Các tác phẩm của Nam Cao đã được đánh giá cao trong nhiều thập kỷ nhờ tính sáng tạo nghệ thuật và tác động quan trọng đối với văn học Việt Nam. Chí Phèo (21) được đánh giá cao về chiều sâu cảm xúc, vẻ đẹp văn chương và sự khảo sát sâu sắc về điều kiện kinh tế - xã hội thời bấy giờ. Câu chuyện đã được đưa vào chương trình giảng dạy ở trường học ở Việt Nam như một bài đọc bắt buộc và nhiều thế hệ học sinh Việt Nam đã nghiên cứu nó trong nhiều thập kỷ. Lý do là (22) Chí Phèo đã phản ánh thành công những thách thức của những cá nhân thiệt thòi và hậu quả của sự thờ ơ của xã hội.

23. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tiêu đề tốt nhất cho đoạn văn là gì?

A. Huân chương Danh dự Không gian của Quốc hội

B. Một sứ mệnh không gian đặc biệt

C. Người phụ nữ gốc Ấn Độ đầu tiên bay vào vũ trụ

D. Đóng góp mang tính đột phá cho khoa học

Chọn C

24. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "rigorous" *(nghiêm ngặt)* trong đoạn văn chủ yếu có nghĩa là gì?

A. xấc xược

B. nghiêm ngặt

C. kiên nhẫn

D. chính xác

Thông tin: After a year of **rigorous** training, she became the first Indian-born woman in space by being assigned to her first space mission on the space shuttle Columbia.

(Sau một năm đào tạo nghiêm ngặt, cô trở thành người phụ nữ gốc Ấn Độ đầu tiên bay vào vũ trụ khi được giao nhiệm vụ không gian đầu tiên trên tàu con thoi Columbia.)

Chọn B

25. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều gì đã xảy ra sau khi Kalpana bắt đầu làm việc cho NASA?

A. Cô được bầu làm chủ tịch NASA và bắt đầu điều hành các sứ mệnh của họ.

B. Cô được chọn để đào tạo thành phi hành gia và sau đó được chọn cho một sứ mệnh không gian.

C. Cô được chọn làm bác sĩ cho các phi hành gia thực hiện sứ mệnh không gian.

D. Cô ấy rời NASA sau một năm và đến làm việc cho một tổ chức không gian khác.

Thông tin: In 1988, Kalpana began working for NASA. Six years later, she was selected to train as an astronaut. After a year of rigorous training, she became the first Indian-born woman in space by being assigned to her first space mission on the space shuttle Columbia.

(Năm 1988, Kalpana bắt đầu làm việc cho NASA. Sáu năm sau, cô được chọn đào tạo thành phi hành gia. Sau một năm đào tạo nghiêm ngặt, cô trở thành người phụ nữ gốc Ấn Độ đầu tiên bay vào vũ trụ khi được giao nhiệm vụ không gian đầu tiên trên tàu con thoi Columbia.)

Chọn B

26. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều gì là ĐÚNG về di sản của Kalpana sau khi cô qua đời theo đoạn văn?

A. Thời gian làm phi hành gia của Kalpana được coi là ít quan trọng hơn thời gian cô còn là sinh viên.

B. Thật không may, Kalpana không được công nhận sau khi cô qua đời.

C. Kalpana đã được ghi nhớ theo nhiều cách khác nhau vì sự phục vụ của cô với tư cách là một phi hành gia.

D. Điều quan trọng nhất về di sản của Kalpana là những tòa nhà mang tên cô.

Thông tin: After her death, Kalpana was honored in various ways. She had some buildings, a street and an asteroid named in her memory.

(Sau khi qua đời, Kalpana được vinh danh theo nhiều cách khác nhau. Tên cô đã được đặt cho một số tòa nhà, một con đường và một tiểu hành tinh.)

Chọn C

27. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "it" trong đoạn một đề cập đến điều gì?

A. Câu lạc bộ bay địa phương thời thơ ấu của Karnal

B. Kalpana

C. Kỹ thuật

D. Niềm đam mê bay của Kalpana

Thông tin: This showed her great passion for flying from a very young age, and **it** led her to pursue a career in engineering.

(Điều này cho thấy niềm đam mê bay lớn của cô từ khi còn rất trẻ và nó đã khiến cô theo đuổi nghề kỹ sư.)

Chọn D

Tạm dịch

Khi Kalpana Chawla còn nhỏ, cô thường yêu cầu cha mình đưa cô đi máy bay tại câu lạc bộ hàng không địa phương ở Karnal, Ấn Độ. Điều này thể hiện niềm đam mê mãnh liệt với việc bay từ rất sớm của cô, và điều đó đã dẫn cô theo đuổi sự nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật. Sau khi lấy bằng kỹ sư hàng không từ một trường đại học ở Ấn Độ, Kalpana chuyển đến Hoa Kỳ và trở thành công dân Mỹ vào những năm 1980.

Năm 1988, Kalpana bắt đầu làm việc cho NASA. Sáu năm sau, cô được chọn để đào tạo thành phi hành gia. Sau một năm huấn luyện khắt khe, cô trở thành người phụ nữ gốc Ấn Độ đầu tiên bay vào không gian khi được chỉ định tham gia nhiệm vụ không gian đầu tiên trên tàu con thoi Columbia.

Nhiệm vụ đầu tiên của Kalpana bắt đầu vào ngày 19 tháng 11 và kết thúc vào ngày 5 tháng 12 năm 1997. Trong nhiệm vụ này, Kalpana và các phi hành gia đồng hành đã quay quanh Trái Đất 252 lần, di chuyển được 6,5 triệu dặm chỉ trong hơn hai tuần. Kalpana đã có những đóng góp to lớn cho khoa học không gian trong nhiệm vụ này. Khi nhớ lại trải nghiệm của mình, cô nói: "Khi bạn nhìn vào các vì sao và thiên hà, bạn cảm thấy mình không chỉ thuộc về một mảnh đất cụ thể nào đó, mà thuộc về cả hệ mặt trời."

Năm 2000, Kalpana được chọn cho nhiệm vụ không gian thứ hai, một lần nữa trên tàu con thoi Columbia. Tuy nhiên, các vấn đề kỹ thuật đã trì hoãn nhiệm vụ cho đến năm 2003. Trong hai nhiệm vụ của mình, cô đã dành tổng cộng 30 ngày, 14 giờ và 54 phút trong không gian. Đáng tiếc thay, tàu Columbia đã bị vỡ khi tái nhập vào khí quyển Trái Đất vào ngày 1 tháng 2 năm 2003, và Kalpana cùng các phi hành gia khác không qua khỏi.

Sau khi qua đời, Kalpana được vinh danh theo nhiều cách khác nhau. Tên cô đã được đặt cho một số tòa nhà, một con đường và một tiểu hành tinh. Đặc biệt, cô được trao Huân chương Danh dự Không gian của Quốc hội, một sự ghi nhận xứng đáng cho những đóng góp của cô đối với sự phát triển của ngành thám hiểm không gian.

28. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tiêu đề hay nhất cho đoạn văn này là gì?

A. Làm thế nào bộ não của chúng ta có thể nghe được âm nhạc.

B. Mối liên hệ giữa bộ não con người và âm nhạc.

C. Lợi ích của âm nhạc.

D. Tác động của các thể loại âm nhạc khác nhau tới não bộ.

Chọn C

29. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, điều gì KHÔNG được nêu ở Đoạn 2?

A. Âm nhạc được chứng minh là có một số lợi ích đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của con người.

B. Toàn bộ não chịu trách nhiệm phân tích tín hiệu âm nhạc.

C. Ống tai là nơi âm nhạc đi vào và truyền đến não của chúng ta.

D. Trên thực tế, "âm nhạc" mà chúng ta nghe được là sự rung động được truyền qua các dây thần kinh.

Thông tin: A stereo system puts out vibrations that travel through the air and somehow get inside the ear canal. These vibrations tickle the eardrum and are transmitted into an electrical signal that travels through the auditory nerve to the brain stem, where it is reassembled into something we perceive as music.

(Một hệ thống âm thanh nổi phát ra các rung động truyền qua không khí và bằng cách nào đó truyền vào trong ống tai. Những rung động này kích thích màng nhĩ và được truyền thành tín hiệu điện truyền qua dây thần kinh thính giác đến thân não, nơi nó được tập hợp lại thành thứ mà chúng ta cảm nhận là âm nhạc.)

Chọn B

30. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "auditory" *(thính giác)* ở đoạn 2 gần nghĩa nhất với _____.

A. nghe

B. nói

C. cảm nhận

D. nhìn thấy

Thông tin: These vibrations tickle the eardrum and are transmitted into an electrical signal that travels through the **auditory** nerve to the brain stem,

(Những rung động này kích thích màng nhĩ và được truyền thành tín hiệu điện truyền qua dây thần kinh thính giác đến thân não,)

Chọn A

31. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "fascinating" *(hấp dẫn)* ở Đoạn 3 có nghĩa trái ngược với _____.

A. nhàm chán

B. thú vị

C. kỳ diệu

D. thú vị

Thông tin: Experiments have been conducted to observe this strange yet **fascinating** phenomenon.

(Các thí nghiệm đã được tiến hành để quan sát hiện tượng kỳ lạ nhưng hấp dẫn này.)

Chọn A

32. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "they" ở Đoạn 4 đề cập đến điều gì?

A. mắt

B. âm nhạc yêu thích

C. tai nghe

D. bệnh nhân

Thông tin: Alzheimer's patients are unresponsive," Sugaya says. "But once you put in the headphones that play their favourite music, their eyes light up. **They** start moving and sometimes singing.

(Bệnh nhân Alzheimer không có phản ứng," Sugaya nói. "Nhưng khi bạn đeo tai nghe phát bản nhạc yêu thích của chúng vào, mắt họ sẽ sáng lên. Họ bắt đầu di chuyển và đôi khi hát.)

Chọn D

33. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo đoạn văn, các nhà nghiên cứu của John Hopkins đã yêu cầu người tham gia làm gì?

A. Để biểu diễn các loại nhạc khác nhau.

B. Để nghe những bài hát yêu thích của họ.

C. Để chơi nhạc cụ yêu thích của họ.

D. Hát một bài hát cho các nhà nghiên cứu.

Thông tin: Johns Hopkins researchers have had several jazz performers and rappers produce music while lying down inside an fMRI (functional magnetic resonance imaging) machine to watch and see which areas of their brains light up.

(Các nhà nghiên cứu của Johns Hopkins đã yêu cầu một số nghệ sĩ biểu diễn nhạc jazz và rapper sản xuất âm nhạc trong khi nằm bên trong máy fMRI (chụp cộng hưởng từ chức năng) để quan sát và xem vùng não nào của họ sáng lên.)

Chọn A

34. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Có thể suy ra điều gì từ đoạn văn?

A. Người ta thường biết làm thế nào bộ não của chúng ta có thể cảm nhận được âm nhạc.

B. Chơi hoặc nghe nhạc làm cho toàn bộ bộ não con người trở nên to hơn và nhẹ nhàng hơn.

C. Những người mắc bệnh thoái hóa thần kinh nghiêm trọng không thể phản ứng nhanh với mọi thứ xung quanh.

D. Nghe nhạc khiến não mệt mỏi vì nó khiến não chúng ta phải tập luyện thực sự.

Thông tin: The two explain how people with neurodegenerative diseases such as Alzheimer's and Parkinson's also respond positively to music. "Usually in the late stages, Alzheimer's patients are unresponsive," Sugaya says. "But once you put in the headphones that play their favourite music, their eyes light up. They start moving and sometimes singing. The effect lasts maybe 10 minutes or so even after you turn off the music."

(Cả hai giải thích cách những người mắc bệnh thoái hóa thần kinh như Alzheimer và Parkinson cũng phản ứng tích cực với âm nhạc. "Thông thường ở giai đoạn cuối, bệnh nhân Alzheimer không có phản ứng," SUGAya nói. "Nhưng khi bạn đeo tai nghe phát bản nhạc yêu thích của họ vào, mắt họ sẽ sáng lên. Họ bắt đầu di chuyển và đôi khi hát. Hiệu ứng có thể kéo dài khoảng 10 phút ngay cả sau khi bạn tắt nhạc.")

Chọn C

Tạm dịch

Nếu bạn muốn làm săn chắc cơ thể, hãy đến phòng tập gym. Còn nếu bạn muốn "luyện tập" cho bộ não, hãy lắng nghe âm nhạc. Có rất ít thứ kích thích não bộ giống như âm nhạc. Nếu bạn muốn giữ cho bộ não luôn hoạt động trong suốt quá trình lão hóa, việc nghe hoặc chơi nhạc là một công cụ tuyệt vời. Nó mang lại một bài tập toàn diện cho não bộ.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng nghe nhạc có thể giảm lo lắng, huyết áp, và đau đớn cũng như cải thiện chất lượng giấc ngủ, tâm trạng, sự tỉnh táo về tinh thần và trí nhớ. Tuy nhiên, các chuyên gia vẫn đang cố gắng tìm hiểu cách mà não bộ chúng ta có thể nghe và chơi nhạc. Một hệ thống âm thanh phát ra những rung động đi qua không khí và bằng cách nào đó chui vào ống tai. Những rung động này kích thích màng nhĩ và được truyền

thành tín hiệu điện, sau đó di chuyển qua dây thần kinh thính giác đến thân não, nơi tín hiệu này được tái tạo thành thứ mà chúng ta cảm nhận là âm nhạc.

Các thí nghiệm đã được thực hiện để quan sát hiện tượng kỳ lạ nhưng hấp dẫn này. Các nhà nghiên cứu tại Johns Hopkins đã mời một số nghệ sĩ jazz và rapper sản xuất nhạc trong khi nằm bên trong máy fMRI (chụp cộng hưởng từ chức năng) để quan sát những khu vực nào trong não của họ sáng lên. Kiminobu Sugaya và nghệ sĩ violin nổi tiếng thế giới Ayako Yonetani đã giảng dạy một trong những khóa học phổ biến nhất tại Burnett Honors College - "Âm nhạc và Não bộ". Hai người giải thích rằng những người mắc bệnh thoái hóa thần kinh như Alzheimer và Parkinson cũng có phản ứng tích cực với âm nhạc.

"Thông thường ở giai đoạn cuối, bệnh nhân Alzheimer không phản ứng," Sugaya nói. "Nhưng khi bạn đặt tai nghe phát nhạc yêu thích của họ, mắt họ sáng lên. Họ bắt đầu cử động và đôi khi còn hát. Hiệu quả kéo dài khoảng 10 phút sau khi bạn tắt nhạc."

Âm nhạc mang tính cấu trúc, toán học và kiến trúc. Nó dựa trên mối quan hệ giữa nốt nhạc này với nốt nhạc khác. Bạn có thể không nhận ra, nhưng não bộ của bạn phải tính toán rất nhiều để hiểu được nó và từ đó, nhận được lợi ích từ nó.

35. A

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Despite the difficulties, he performed well in school, and the harder he studied, the more recognition he gained from the teachers and his classmates.

(Bất chấp khó khăn, cậu học rất giỏi ở trường, càng học chăm chỉ, cậu càng nhận được nhiều sự công nhận từ giáo viên và các bạn cùng lớp.)

b. Today, at the age of 78, my grandfather still studies every day because he wants to become more and more knowledgeable.

(Ngày nay, ở tuổi 78, ông nội tôi vẫn ngày ngày đi học vì mong muốn ngày càng hiểu biết hơn.)

c My grandfather has a very inspirational life story.

(Ông tôi có một câu chuyện cuộc đời rất truyền cảm hứng.)

d. His hard work paid off when he received a full scholarship to a famous university in Việt Nam.

(Sự chăm chỉ của ông đã được đền đáp khi anh nhận được học bổng toàn phần vào một trường đại học nổi tiếng ở Việt Nam.)

e. He was born into a poor family, so he had to face a lot of challenges.

(Ông sinh ra trong một gia đình nghèo nên phải đối mặt với rất nhiều thử thách)

Bài hoàn chỉnh

(c) My grandfather has a very inspirational life story. **(e)** He was born into a poor family, so he had to face a lot of challenges. **(a)** Despite the difficulties, he performed well in school, and the harder he studied, the more recognition he gained from the teachers and his classmates. **(d)** His hard work paid off when he received a full

scholarship to a famous university in Việt Nam. **(b)** Today, at the age of 78, my grandfather still studies every day because he wants to become more and more knowledgeable.

Tạm dịch

(c) Ông tôi có một câu chuyện cuộc đời rất truyền cảm hứng. (e) Ông ấy sinh ra trong một gia đình nghèo nên phải đối mặt với rất nhiều thử thách. (a) Bất chấp khó khăn, ông ấy học rất giỏi ở trường và càng học chăm chỉ, ông ấy càng được giáo viên và các bạn trong lớp công nhận. (d) Sự chăm chỉ của ông ấy đã được đền đáp khi ông ấy nhận được học bổng toàn phần vào một trường đại học nổi tiếng ở Việt Nam. (b) Ngày nay, ở tuổi 78, ông tôi vẫn ngày ngày đi học vì mong muốn ngày càng hiểu biết hơn.

Chọn A

36. B

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. I gained my experience from a volunteer project at my local community centre and I worked with experienced and devoted teachers for over 6 months.

(Tôi đã có được kinh nghiệm từ một dự án tình nguyện tại trung tâm cộng đồng địa phương và tôi đã làm việc với những giáo viên giàu kinh nghiệm và tận tâm trong hơn 6 tháng.)

b. I'm writing this in response to your company's job advertisement on Facebook.

(Tôi viết thư này để đáp lại tin tuyển dụng của công ty bạn trên Facebook.)

c. I wish to learn more about the art of teaching young children and cooperate with such an energetic and professional company as yours.

(Tôi mong muốn được tìm hiểu thêm về nghệ thuật dạy dỗ trẻ nhỏ và được hợp tác với một công ty năng động và chuyên nghiệp như của bạn.)

d. With my experience, I would like to apply for the position of Maths teaching assistant.

(Với kinh nghiệm của mình, tôi xin ứng tuyển vào vị trí trợ giảng môn Toán.)

e. I'm an eighteen-year-old student with 2 years of experience in tutoring young learners in Maths class.

(Tôi là một học sinh 18 tuổi đã có 2 năm kinh nghiệm dạy kèm môn Toán cho học sinh nhỏ tuổi.)

Bài hoàn chỉnh

(b) I'm writing this in response to your company's job advertisement on Facebook. **(a)** I gained my experience from a volunteer project at my local community centre and I worked with experienced and devoted teachers for over 6 months. **(e)** I'm an eighteen-year-old student with 2 years of experience in tutoring young learners in Maths class. **(d)** With my experience, I would like to apply for the position of Maths teaching assistant. **(c)** I wish to learn more about the art of teaching young children and cooperate with such an energetic and professional company as yours.

Tạm dịch

(b) Tôi viết thư này để đáp lại quảng cáo tuyển dụng của công ty bạn trên Facebook. (a) Tôi đã có được kinh nghiệm từ một dự án tình nguyện tại trung tâm cộng đồng địa phương và tôi đã làm việc với các giáo viên giàu kinh nghiệm và tận tâm trong hơn 6 tháng. (e) Tôi là một học sinh 18 tuổi có 2 năm kinh nghiệm dạy kèm môn Toán cho học sinh nhỏ tuổi. (d) Với kinh nghiệm của mình, tôi xin ứng tuyển vào vị trí trợ giảng môn Toán. (c) Tôi mong muốn được tìm hiểu thêm về nghệ thuật dạy dỗ trẻ nhỏ và hợp tác với một công ty năng động và chuyên nghiệp như công ty của bạn.

Chọn B

37. A

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Anyway, I'm writing this to let you know that I'm coming to Austria for a short exchange programme, and I will be around your town next month.

(Dù sao đi nữa, tôi viết thư này để thông báo cho bạn biết rằng tôi sắp đến Áo để tham gia một chương trình trao đổi ngắn hạn và tôi sẽ đến thị trấn của bạn vào tháng tới.)

b. Dear Mr. and Ms. Gerald, I'm so sorry it took me so long to write you back.

(Thưa ông bà Gerald, tôi rất xin lỗi vì đã mất quá nhiều thời gian để viết thư trả lời cho bạn.)

c. I hope we can meet and have some catch-up together. I have so many stories to tell you.

(Tôi hy vọng chúng ta có thể gặp nhau và cùng nhau trò chuyện. Tôi có rất nhiều câu chuyện để kể cho bạn.)

d. Until then, I wish you all the best. See you soon!

(Cho đến lúc đó, tôi chúc bạn mọi điều tốt đẹp nhất. Hẹn gặp lại bạn sớm!)

e. How have you been? I hope that both of you are doing well. As for myself, I've been feeling great.

(Bạn thế nào rồi? Tôi hy vọng rằng cả hai bạn vẫn khỏe. Đối với bản thân tôi, tôi đã cảm thấy tuyệt vời.)

Bài hoàn chỉnh

(b) Dear Mr. and Ms. Gerald, I'm so sorry it took me so long to write you back. **(e)** How have you been? I hope that both of you are doing well. As for myself, I've been feeling great. **(a)** Anyway, I'm writing this to let you know that I'm coming to Austria for a short exchange programme, and I will be around your town next month. **(c)** I hope we can meet and have some catch-up together. I have so many stories to tell you. **(d)** Until then, I wish you all the best. See you soon!

Tạm dịch

(b) Ông bà Gerald thân mến, tôi rất xin lỗi vì đã mất quá nhiều thời gian để viết thư trả lời cho bạn. (e) Dạo này bạn thế nào? Tôi hy vọng rằng cả hai bạn vẫn khỏe. Đối với bản thân tôi, tôi đã cảm thấy tuyệt vời. (a) Dù sao, tôi viết thư này để cho bạn biết rằng tôi sắp đến Áo để tham gia một chương trình trao đổi ngắn hạn, và tôi sẽ đến thị trấn của bạn vào tháng tới (c) Tôi hy vọng chúng ta có thể gặp nhau và trao đổi chút chuyện

cùng nhau. Tôi có rất nhiều câu chuyện để kể cho bạn. (d) Cho đến lúc đó, tôi chúc bạn mọi điều tốt đẹp nhất. Hẹn gặp lại bạn sớm!

Chọn A

38. B

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Mark: Tomorrow, we'll get the results of the Green Classroom Competition. Do you think we will win?

(Mark: Ngày mai chúng ta sẽ nhận được kết quả của Cuộc thi Lớp học Xanh. Bạn có nghĩ chúng ta sẽ thắng không?)

b. Mark: I agree. The Cycling-to-school programme proposed by Class 12C is going to impress the judges.

(Mark: Tôi đồng ý. Chương trình Đạp xe đến trường do lớp 12C đề xuất sẽ gây ấn tượng mạnh với ban giám khảo.)

c. Nam: It's hard to predict who'll win. Other classes also have very interesting projects.

(Nam: Thật khó để dự đoán ai sẽ thắng. Các lớp khác cũng có những dự án rất thú vị.)

Bài hoàn chỉnh

(a) Mark: Tomorrow, we'll get the results of the Green Classroom Competition. Do you think we will win?

(c) Nam: It's hard to predict who'll win. Other classes also have very interesting projects.

(b) Mark: I agree. The Cycling-to-school programme proposed by Class 12C is going to impress the judges.

Tạm dịch

(a) Mark: Ngày mai chúng ta sẽ nhận được kết quả của Cuộc thi Lớp học Xanh. Bạn có nghĩ chúng ta sẽ thắng không?

(c) Nam: Thật khó để dự đoán ai sẽ thắng. Các lớp khác cũng có những dự án rất thú vị.

(b) Đánh dấu: Tôi đồng ý. Chương trình Đạp xe đến trường do lớp 12C đề xuất sẽ gây ấn tượng mạnh với ban giám khảo.

Chọn B

39. A

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Linda: That'd be great. Thanks.

(Linda: Điều đó thật tuyệt. Cảm ơn.)

b. Mai: Thank you. I saw them advertised on a fashion website and bought them online. I'll send you the link.

(Mai: Cảm ơn bạn. Tôi thấy chúng được quảng cáo trên một trang web thời trang và mua chúng trực tuyến. Tôi sẽ gửi cho bạn liên kết.)

c. Linda: I like your shoes! They look very stylish. Where did you get them?

(Linda: Tôi thích đôi giày của bạn! Chúng trông rất phong cách. Bạn lấy chúng ở đâu?)

Bài hoàn chỉnh

(c) Linda: I like your shoes! They look very stylish. Where did you get them?

(b) Mai: Thank you. I saw them advertised on a fashion website and bought them online. I'll send you the link.

(a) Linda: That'd be great. Thanks.

Tạm dịch

(c) Linda: Tôi thích đôi giày của bạn! Chúng trông rất phong cách. Bạn lấy chúng ở đâu?

(b) Mai: Cảm ơn bạn. Tôi thấy chúng được quảng cáo trên một trang web thời trang và mua chúng trực tuyến. Tôi sẽ gửi cho bạn liên kết.

(a) Linda: Điều đó thật tuyệt. Cảm ơn.

Chọn A

40. C

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Mark: Hi. Mai. What's up? You look so worried!

(Mark: Xin chào. Mai. Có chuyện gì thế? Trông bạn lo lắng quá!)

b. Mai: It'll be too expensive. I'm afraid we can't afford to promote the show as if it were a big profit-making event.

(Mai: Nó sẽ đắt lắm đấy. Tôi e rằng chúng tôi không đủ khả năng để quảng bá buổi biểu diễn như thể đây là một sự kiện thu lợi nhuận lớn.)

c. Mark: I see... How about putting up posters in the area?

(Mark: Tôi hiểu rồi... Việc dán áp phích ở khu vực này thì sao?)

d. Mai: I'm so stressed! The school charity club is planning a music show, and I'm in charge of the publicity for the event.

(Mai: Mình căng thẳng quá! Câu lạc bộ từ thiện của trường đang lên kế hoạch tổ chức một buổi biểu diễn ca nhạc và tôi chịu trách nhiệm quảng bá cho sự kiện này.)

e. Mark: Why don't you place an advert in the local newspaper? Everybody reads it, and I'm sure an advert there can help draw attention to the event.

(Mark: Tại sao bạn không đặt một quảng cáo trên tờ báo địa phương? Mọi người đều đọc nó và tôi chắc chắn rằng một quảng cáo ở đó có thể giúp thu hút sự chú ý đến sự kiện này.)

Bài hoàn chỉnh

(a) Mark: Hi. Mai. What's up? You look so worried!

(d) Mai: I'm so stressed! The school charity club is planning a music show, and I'm in charge of the publicity for the event.

(e) Mark: Why don't you place an advert in the local newspaper? Everybody reads it, and I'm sure an advert there can help draw attention to the event.

(b) Mai: It'll be too expensive. I'm afraid we can't afford to promote the show as if it were a big profit-making event.

(c) Mark: I see... How about putting up posters in the area?

Tạm dịch

(a) Mark: Xin chào. Mai. Có chuyện gì thế? Trông bạn lo lắng quá!

(d) Mai: Mình căng thẳng quá! Câu lạc bộ từ thiện của trường đang lên kế hoạch tổ chức một buổi biểu diễn ca nhạc và tôi chịu trách nhiệm quảng bá cho sự kiện này.

(e) Mark: Tại sao bạn không đăng quảng cáo trên tờ báo địa phương? Mọi người đều đọc nó và tôi chắc chắn rằng một quảng cáo ở đó có thể giúp thu hút sự chú ý đến sự kiện này.

(b) Mai: Nó sẽ quá đắt. Tôi e rằng chúng tôi không đủ khả năng để quảng bá buổi biểu diễn như thể đây là một sự kiện thu lợi nhuận lớn.

(c) Mark: Tôi hiểu rồi... Việc dán áp phích trong khu vực này thì sao?

Chọn C